

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN: KINH TẾ QUỐC TẾ

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH 7340101

HẢI PHÒNG, 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN: KINH TẾ QUỐC TẾ

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH 7340101

*(Ban hành theo Quyết định số ... ngày .../.../20...
của Hiệu trưởng Nhà trường)*

Phê duyệt

Trình duyệt

Hiệu trưởng
TS Nguyễn Tiến Thanh

Phụ trách ngành
TS Nguyễn Thị Hoàng Đan

KINH TẾ QUỐC TẾ

Mã học phần: IEC 32021 – Số tín chỉ: 02

Dùng cho (các) ngành: Quản trị kinh doanh

Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không

Hình thức đào tạo: Trực tiếp và trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Quản trị kinh doanh

Giảng viên phụ trách: 1. TS. Hoàng Chí Cương

2. ThS. Phạm Thị Nga

1. Mô tả chung về học phần

Kinh tế quốc tế (KTQT) là một trong những nội dung quan trọng của quản trị kinh doanh quốc tế. Qua môn học người học sẽ có được kiến thức cơ bản về nền kinh tế thế giới. Cụ thể là chủ thể của nền kinh tế thế giới và các quan hệ KTQT.

Sau khi học xong môn học, học viên sẽ có được kiến thức tổng quan về KTQT, cụ thể:

- Thương mại quốc tế, xác định được lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế trong việc sản xuất sản phẩm giữa các nước. Tính được tỷ lệ bảo hộ thực tế. Phân tích được tác động của thuế quan nhập khẩu. Dựa trên các lý thuyết về thương mại phân tích được thực trạng hoạt động ngoại thương của Việt Nam và các nước trên thế giới.
- Biết được các hình thức FDI, FII/FPI và tác động của FDI, FII/FPI đến nước đi đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư.
- Biết cách tính tỷ giá hối đoái theo phương pháp tính chéo và thực hiện được các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối.
- Biết được các cấp độ của hội nhập KTQT và quá trình hội nhập KTQT của Việt Nam.

2. Các chữ viết tắt (nếu có)

- *CDR: Chuẩn đầu ra*
- *CSTMQT: Chính sách Thương mại Quốc tế*
- *CCTTQT: Cán cân thanh toán quốc tế*

- *ĐTGTNN: Đầu tư Gián tiếp Nước ngoài*
- *ĐTQT: Đầu tư Quốc tế*
- *ĐTTTNN: Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài*
- *FDI: Foreign Direct Investment (Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài)*
- *FII: Foreign Indirect Investment (Đầu tư Gián tiếp Nước ngoài)*
- *FPI: Foreign Portfolio Investment (Đầu tư Chứng khoán)*
- *GV: Giảng viên*
- *HNKTQT: Hội nhập kinh tế quốc tế*
- *KTĐN: Kinh tế Đối ngoại*
- *KTQT: Kinh tế Quốc tế*
- *LK: Liên kết*
- *SV: Sinh viên*
- *TCQT: Tài chính Quốc tế*
- *TMQT: Thương mại Quốc tế*
- *TTQT: Tiền tệ quốc tế*

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a2	Vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích được các khái niệm KTQT như: các chủ thể KTQT, các quan hệ KTQT bao gồm quan hệ TMQT, ĐTQT, TDQT, TTQT và HNKTQT
a3	Vận dụng kiến thức lý luận môn học KTQT để làm rõ, phân tích thực trạng các quan hệ KTQT: thực trạng TMQT; ĐTTTNN, ĐTGTNN trong thực tế (tại Việt Nam hoặc trên thế giới); hệ thống TTQT, quá trình hội nhập KTQT của Việt Nam trong từng giai đoạn cụ thể.
b1	Sử dụng tốt các ứng dụng tin học văn phòng, khả năng ngoại ngữ để tìm đọc tài liệu, thông tin, làm bài thuyết trình tìm hiểu về các quan hệ KTQT.
b3	Sử dụng kỹ năng phân tích, tư duy để tính toán, xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế của sản phẩm/ngành nào đó trong quan hệ TMQT và xác định TGHĐ, thực hiện một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối.

4. Giáo trình và tài liệu học tập

1. Đỗ Đức Bình và Ngô Thị Tuyết Mai (2019), *Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
2. Nguyễn Văn Dung (2012). *Kinh tế quốc tế*, NXB Phương Đông
3. Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld, and Marc Melitz (2015). *International Economics: Theory and Policy*. 10th Ed. Prentice Hall.
4. Mạng Internet, trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Tổng cục Thống kê Việt Nam, và tài liệu do GV cung cấp, v.v...

5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Nắm chắc được đề cương và kế hoạch học tập của học phần, chủ động lập kế hoạch học tập của mình theo lịch trình học tập.
- Chủ động đọc, tìm hiểu trước nội dung kiến thức theo từng chương của môn học theo hướng dẫn trên đề cương môn học, trong các học liệu và tài liệu tham khảo
- Có ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, biết kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.
- Tích cực tham gia thảo luận trong các giờ học, giờ thảo luận: Trả lời - đặt câu hỏi, nêu vấn đề - giải quyết vấn đề lý luận và thực tiễn về các kiến thức của môn học.
- Tham khảo các tài liệu liên quan theo hướng dẫn, chủ động tìm kiếm, tiếp nhận các thông tin về các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan của môn học thông qua các phương tiện thông tin (đài, báo, tivi, internet...) để có cơ sở tốt lựa chọn chủ đề và làm bài tập thuyết trình.
- Làm bài tập theo đúng tiến độ và hướng dẫn của GV.

6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
Mở đầu	Nghe giới thiệu môn học và nhận nhiệm vụ học tập	1	Tìm hiểu về môn học, đọc giới thiệu môn học	2	
Chương 1: Nhập môn KTQT		3	- Đọc trước tài liệu, giáo trình chương 1	6	a2

<p>1.1. Tình hình chung của nền kinh tế thế giới</p> <p>1.2. Những cơ sở của việc hình thành và phát triển các quan hệ KTQT</p> <p>1.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về phát triển KTĐN</p> <p>1.4. Khả năng và điều kiện cần thiết để phát triển lĩnh vực kinh tế đối ngoại ở Việt nam</p>	<p>Nghe giảng</p> <p>Thảo luận</p>	<p>2</p> <p>1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện các vấn đề cần thảo luận - Tìm hiểu, tổng hợp các thông tin về các quan hệ KTQT, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, Khả năng và điều kiện cần thiết để về phát triển KTĐN 		
Chương 2: TMQT		9		20	a2, a3, b1, b3
<p>2.1. Khái niệm, nội dung, chức năng, và đặc điểm của TMQT</p> <p>2.2. Một số lý thuyết về TMQT</p> <p>2.3. Chính sách thương mại quốc tế</p> <p>2.4. Các công cụ và biện pháp để thực hiện CSTMQT</p> <p>2.5. Thuế quan nhập khẩu và những tác động của nó</p> <p>2.6. Xu hướng tự do hóa và bảo hộ mậu dịch trong chính sách TMQT</p> <p>2.7. Các nguyên tắc điều chỉnh quan hệ TMQT</p>	<p>Nghe giảng</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập</p>	<p>5</p> <p>1</p> <p>3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, nghiên cứu trước tài liệu, giáo trình chương 2 - TMQT - Phát hiện các vấn đề cần thảo luận. - Tìm hiểu, tổng hợp các thông tin về quan hệ TMQT, trên các tài liệu tham khảo, làm bài thuyết trình về phân tích TMQT. - Làm các bài tập cuối chương. 		
<p>Đánh giá 1: 30%</p> <p><i>Tự luận</i></p>	Kiểm tra	1	Ôn tập các nội dung chương 1, 2	6	a2, b3
Chương 3: Di chuyển quốc tế các nguồn lực		4	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, nghiên cứu trước tài liệu, giáo 	8	a2, a3, b1

<p>3.1. Khái niệm và đặc trưng của di chuyển quốc tế các nguồn lực</p> <p>3.2. Di chuyển vốn quốc tế</p> <p>3.3. Di chuyển sức lao động quốc tế</p> <p>3.4. Di chuyển quốc tế về công nghệ</p>	<p>Nghe giảng</p> <p>Thảo luận</p>	<p>3</p> <p>1</p>	<p>trình chương 3- di chuyển các nguồn lực QT</p> <p>- Phát hiện các vấn đề cần thảo luận.</p> <p>- Tìm hiểu, tổng hợp các thông tin về đầu tư quốc tế, làm bài tập thuyết trình về phân tích đầu tư quốc tế.</p>		
Chương 4: Thị trường tiền tệ và CCTTQT		6		14	a2, a3, b1, b3
<p>4.1. Hệ thống tiền tệ quốc tế</p> <p>4.2. Tỷ giá hối đoái</p> <p>4.3. Thị trường ngoại hối</p>	<p>Nghe giảng</p> <p>Bài tập</p>	<p>3</p> <p>3</p>	<p>- Đọc, nghiên cứu trước tài liệu, giáo trình chương 4 – TTTT và CCTTQT</p> <p>- Làm các bài tập cuối chương.</p>		
Chương 5: Liên kết và hội nhập KTQT		2	<p>- Đọc, nghiên cứu trước tài liệu, giáo trình chương 5 – liên kết và hội nhập KTQT</p>	9	a2, a3, b1
<p>5.1. Liên kết KTQT</p> <p>5.2. Hội nhập KTQT</p>	<p>Nghe giảng</p> <p>Thảo luận</p>	<p>1</p> <p>1</p>	<p>- Phát hiện các vấn đề cần thảo luận.</p> <p>- Tìm hiểu, tổng hợp các thông tin về quan hệ HN và LKKTQT, trên các tài liệu tham khảo.</p> <p>- Làm bài thuyết trình về phân tích hội nhập và LKKTQT của VN</p>		
Bài tập thuyết trình nhóm	Bài tập – thảo luận	3	Làm bài thuyết trình và tổ chức báo cáo theo nhóm.	12	a2, a3, b1

Đánh giá 2: 20% <i>Thuyết trình</i>	Kiểm tra	1	Theo dõi các bài thuyết trình nhóm, phát hiện vấn đề thảo luận, đưa ý kiến đóng góp	3	a3, b1
Tổng số tiết/giờ học		30		80	

Số tiết nghe giảng: 15 tiết, số tiết thực hành: 15 tiết x 2

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra			
			a2	a3	b1	b3
Giữa kì	ĐG1. Bài ĐG trên lớp	30%	x			x
	ĐG2. Bài ĐG trên lớp	20%		x	x	
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài ĐG cuối kì	50%	x			x
<i>Tổng cộng:</i>		100%				

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a2, b3 - Tỷ lệ: 30% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận
- Mô tả bài đánh giá: bài tự luận 50 phút để đánh giá CDR a3 và b3: Vận dụng kiến thức lý luận về KTQT để phân loại, giải thích được các vấn đề KTQT: các chủ thể KTQT, quan hệ TMQT và vận dụng kỹ năng phân tích, tư duy để tính toán để xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế của sản phẩm/ngành nào đó trong quan hệ TMQT. Sinh viên cần trả lời các câu hỏi và giải quyết các bài tập phân tích, tính toán trong thời gian làm bài.
- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a2	Bài làm thể hiện tốt việc	Bài làm thể hiện việc	Bài làm thể hiện Vận	Bài làm thể hiện việc	Bài làm chưa thể hiện được

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
Vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề KTQT như: các chủ thể KTQT, các quan hệ KTQT	Vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề KTQT như: các chủ thể KTQT, các quan hệ KTQT ở mức từ 85% - 100%	Vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề KTQT như: các chủ thể KTQT, các quan hệ KTQT ở mức tương đối tốt từ 70% - 84%	dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề KTQT như: các chủ thể KTQT, các quan hệ KTQT ở mức trung bình từ 55%-69%	Vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề KTQT như: các chủ thể KTQT, các quan hệ KTQT ở mức hạn chế, từ 40% - 54%	việc Vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề KTQT như: các chủ thể KTQT, các quan hệ KTQT, chỉ đạt ở mức 0%-40%
b3 Sử dụng kỹ năng phân tích, tư duy để tính toán để xác định các giá trị, chỉ tiêu hoạt động KTQT.	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế đúng ở mức từ 85% - 100%.	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế đúng ở mức từ 70%-85%.	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế đúng ở mức từ 55%-69%	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế đúng ở mức từ 40% - 54%.	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế ở mức 0% -40%.

Kết quả đánh giá chung: Điểm ĐG1 = Điểm a2 * 40% + Điểm b3 * 60%

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a3, b1 - Tỷ lệ: 20% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: *thuyết trình theo nhóm*

- Mô tả bài đánh giá: là các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình để đánh giá theo CDR a3 và b1 về khả năng vận dụng các ứng dụng tin học văn phòng, khả năng ngoại ngữ để tìm đọc tài liệu, thông tin, làm bài thuyết trình tìm hiểu, giải thích về các quan hệ KTQT. SV tìm kiếm, tổng hợp thông tin, làm powerpoint, bài thuyết minh và tiến hành báo cáo từ 35 – 45 phút trong giờ ĐG 2, nộp bài thuyết trình cho giảng viên.

Các nhóm SV không thuyết trình tham gia phản biện và thảo luận nội dung bài thuyết trình.

- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a3 Vận dụng kiến thức lý luận môn học KTQT để tìm hiểu giải thích thực trạng các quan hệ KTQT	Bài thuyết trình có kết cấu hợp lý, đầy đủ rõ ràng, khoa học. Nội dung thể hiện được ý tưởng của nhóm tác giả rõ ràng trong giải quyết vấn đề đặt ra cả về lý luận và thực tiễn, các phần liên hệ mang tính cập nhật hoặc thể hiện sự tìm hiểu sâu sắc, nội dung các phần thể hiện được tính logic, khoa học.	Bài thuyết trình có kết cấu hợp lý, đầy đủ, khoa học. Nội dung thể hiện được ý tưởng của nhóm tác giả trong giải quyết vấn đề đặt ra cả về lý luận và thực tiễn, các phần liên hệ phù hợp, nội dung các phần thể hiện được tính logic, khoa học	Bài thuyết trình có kết cấu chưa hợp lý hoặc đầy đủ, hoặc chưa khoa học. Nội dung chưa thể hiện được rõ ý tưởng của nhóm tác giả trong giải quyết vấn đề đặt ra, các nội dung về lý luận và thực tiễn chưa đầy đủ hoặc rõ ràng, nội dung các phần chưa thể hiện được tính logic, khoa học.	Bài thuyết trình có kết cấu chưa hợp lý và/hoặc đầy đủ và/hoặc chưa khoa học. Nội dung chưa thể hiện được rõ ý tưởng của nhóm tác giả trong giải quyết vấn đề đặt ra, các nội dung về lý luận và thực tiễn chưa đầy đủ và rõ ràng, nội dung các phần chưa thể hiện được tính logic, khoa học.	Bài thuyết trình có kết cấu chưa hợp lý, đầy đủ, chưa khoa học. Nội dung chưa thể hiện được ý tưởng của nhóm tác giả trong giải quyết vấn đề đặt ra, các nội dung về lý luận và thực tiễn chưa đầy đủ và rõ ràng, không có bài hoặc bài thể hiện rõ sự sao chép toàn bộ.
b1 Sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng, khả năng ngoại ngữ để tìm đọc tài liệu, thông tin, làm bài thuyết trình	Slide của bài thuyết trình được thiết kế khoa học, hấp dẫn, thể hiện được các nội dung tìm hiểu phong phú, có tính truyền đạt thông tin cao.	Slide của bài thuyết trình được thiết kế khoa học, thể hiện được các nội dung tìm hiểu phù hợp, có tính truyền đạt thông tin. Bài thuyết	Slide của bài thuyết trình được thiết kế khoa học, thể hiện được các nội dung tìm hiểu phù hợp, tính truyền đạt thông tin trên trang chiếu chưa cao.	Slide của bài thuyết trình được thiết kế chưa khoa học, tính truyền đạt thông tin trên trang chiếu chưa cao. Bài thuyết minh chưa	Slide của bài thuyết trình được thiết kế chưa khoa học, tính truyền đạt thông tin trên trang chiếu chưa cao. Bài thuyết minh chưa

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
	Bài thuyết minh rõ ràng khoa học và hấp dẫn.	minh rõ ràng khoa học.	Bài thuyết minh chưa thực sự khoa học rõ ràng.	thực sự khoa học rõ ràng.	khoa học rõ ràng.

Kết quả đánh giá chung: Điểm ĐG2 = Điểm a3 * 70% + Điểm b1 * 30%

8.3. Hoạt động đánh giá 3 - Chuẩn đầu ra: a2, b3, - Tỷ lệ: 50% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận

- Mô tả bài đánh giá: bài tự luận 90 phút để đánh giá CDR a2 và b3: Nhận diện, đánh giá và giải thích được các vấn đề KTQT: các chủ thể KTQT, quan hệ TMQT, ĐTQT, TDQT, TTQT và HNKTQT thông qua việc **vận dụng** kiến thức môn học KTQT; sử dụng kỹ năng phân tích, tư duy để tính toán để xác định lợi thế tuyệt đối; lợi thế so sánh; biên trao đổi quốc tế; xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu; tính mức độ bảo hộ thực tế của sản phẩm/ngành nào đó trong quan hệ TMQT; xác định TGHD; thực hiện một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối. Sinh viên cần trả lời các câu hỏi và giải quyết các bài tập phân tích, tính toán.

- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a2 Vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, làm rõ được các vấn đề KTQT như: các chủ thể KTQT, các quan hệ KTQT	Bài làm thể hiện tốt việc vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề về KTQT: TMQT, ĐTQT, TTQT, HNKTQT ở	Bài làm thể hiện việc vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề về KTQT: TMQT, ĐTQT, TTQT, HNKTQT ở mức tương đối	Bài làm thể hiện việc vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề về KTQT: TMQT, ĐTQT, TTQT, HNKTQT ở	Bài làm thể hiện việc vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt được các vấn đề về KTQT: TMQT, ĐTQT, TTQT, HNKTQT ở	Bài làm chưa thể hiện được việc vận dụng kiến thức môn học KTQT để giải thích, phân biệt rõ ràng các vấn đề về KTQT: TMQT, ĐTQT, TTQT, HNKTQT chỉ

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
	mức từ 85% - 100%	tốt từ 70% - 84%	mức trung bình từ 55%-69%	mức hạn chế, từ 40% - 54%	đạt ở mức 0%-40%
b3 Sử dụng kỹ năng phân tích, tư duy để tính toán, xác định các giá trị của các yếu tố trong quan hệ TMQT và xác định TGHD, thực hiện một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối.	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế; xác định TGHD; thực hiện một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối đúng ở mức từ 85% - 100%.	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế; xác định TGHD; thực hiện một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối đúng ở mức từ 70%-85%.	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế; xác định TGHD; thực hiện một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối đúng ở mức từ 55%-69%	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế; xác định TGHD; thực hiện một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối đúng ở mức từ 40% - 54%.	Xác định lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh, biên trao đổi quốc tế, xác định ảnh hưởng của thuế quan nhập khẩu, tính mức độ bảo hộ thực tế; xác định TGHD; thực hiện một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối ở mức 0% - 40%.

Kết quả đánh giá chung: Điểm ĐG3 = Điểm a3*30% + Điểm b3 * 70%

8.4. Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Điểm học phần = Điểm ĐG1*30% + Điểm ĐG2*20% + Điểm ĐG3*50%

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Máy tính, máy chiếu, bảng, phấn - phục vụ các buổi học trên giảng đường.
- Các tài liệu học tập - thư viện, phòng mạng phục vụ quá trình tự học tập, làm bài tập của SV.

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Theo qui định chung của trường

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

- Sinh viên nộp các đánh giá đúng hạn (không chấp nhận bài nộp muộn), nghiêm túc, không gian lận trong làm bài đánh giá, nếu vi phạm các nội dung trên điểm của bài đánh giá sẽ là 0 điểm

- Sinh viên sẽ được điểm thưởng cho từng ĐG tương đương trong thời gian học nội dung của ĐG khi: có ý thức học tập trên lớp - có ý thức chuẩn bị bài cá nhân, BT nhóm, phát biểu, thảo luận nhóm, thuyết trình, phản biện, đi học đầy đủ, nộp BT đúng thời gian (Cộng 1- 2 điểm)
- Sinh viên sẽ bị trừ điểm hoặc bị điểm 0 cho từng ĐG tương đương trong thời gian học nội dung của ĐG khi: Không có ý thức học tập trên lớp: không hoặc chậm chuẩn bị bài, không phát biểu, thảo luận nhóm (Trừ từ 1-2 điểm)
- Sinh viên không tham gia bài ĐG nào thì điểm của bài đó sẽ là 0 điểm.
- Sinh viên được quyền khiếu nại về điểm các bài ĐG của mình với Giảng viên ngay sau khi nhận được kết quả.
- Sinh viên phải tham dự ĐG1, ĐG2 mới được tham dự ĐG3.
- Sinh viên phải tham dự đủ 3 ĐG mới tính điểm kết thúc học phần.
- Nghỉ học không phép: < 10% sẽ bị trừ 0,5 điểm, từ 10% đến <20% sẽ trừ 1 điểm.
- Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày tháng năm
Người biên soạn